

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 7 tháng 12 năm 2016

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI – HẠ LONG

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC



Hoàng Thị Thu Hương

Tháng 11 năm 2016

✓ *[Handwritten signature]*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội – Hạ Long (“Công Ty”) được soạn thảo và thông qua ngày 18/11/2016 và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành của Công Ty ký ngày 01/02/2005 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có).
- Điều Lệ này cùng với (i) các quy định Pháp luật liên quan, (ii) bất kỳ và tất cả các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành một cách hợp lệ, là các quy định ràng buộc và nguyên tắc cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này quy định khác đi, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 “**Ban Kiểm Soát**” hoặc “**BKS**” có nghĩa là Ban kiểm soát của Công Ty như quy định tại Điều 36 của Điều Lệ này.
- 1.2 “(các) **Cổ Đông**” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào sở hữu ít nhất một (01) Cổ Phần của Công Ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần.
- 1.3 “(các) **Cổ Phần**” có nghĩa là (các) Cổ phần Phổ thông của Công Ty.
- 1.4 “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” hoặc “**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty như quy định tại Điều 18 của Điều Lệ này.
- 1.5 “**Điều Lệ**” có nghĩa là bản Điều lệ này của Công Ty và các bản sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có).
- 1.6 “**Hội Đồng Quản Trị**” hoặc “**HDQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công Ty như quy định tại Điều 26 của Điều Lệ này.
- 1.7 “**Kiểm Soát Viên**” hoặc “**KSV**” có nghĩa là kiểm soát viên của Công Ty như được quy định tại Điều 36 của Điều Lệ này.
- 1.8 “**Luật Doanh Nghiệp 2014**” hay “**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- 1.9 “**Ngày Thành Lập**” là ngày mà Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công Ty được cấp.
- 1.10 “**Người Có Liên Quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;

- c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d. Người quản lý doanh nghiệp;
 - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 1.11 “**Pháp Luật**” có nghĩa là Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ liên quan đến hoạt động của Công Ty; và các điều ước quốc tế được Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận.
- 1.12 “**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**” có nghĩa là Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
- 1.13 “**Thời Hạn Hoạt Động**” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 3 của Điều Lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc/và được sự phê chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 1.14 “**Thị Trường Giao Dịch Chứng Khoán**” là sàn giao dịch chính thức kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cùng bất kỳ sàn giao dịch chính thức khác được mở tại các tỉnh, thành phố khác tại Việt Nam.
- 1.15 “**Vốn Điều Lệ**” có nghĩa là phần vốn mà các Cổ Đông đóng góp theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

- 2.1 Trong Điều Lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- 2.2 Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.
- 2.3 Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp sẽ (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 3. TÊN GỌI, LOẠI HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 3.1 Tên Công Ty

Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI – HẠ LONG

Tên Công Ty viết bằng tiếng Anh:

HANOI - HALONG JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **HANOI - HALONG., JSC**

3.2 Trụ sở chính của Công Ty: Khách sạn Hà Nội – Hạ Long, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 0333.846445

Fax: (+84) 0333.640.441

Website:

Email: Info@hanoihaalong.com

3.3 Công Ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập được thành lập theo quy định của Pháp Luật. Trong quá trình hoạt động, Công Ty phải tuân thủ Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ này. Trách nhiệm của các Cổ Đông đối với các bên thứ ba chỉ giới hạn trong phần vốn góp của mình trong tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty. Công Ty là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ Đông, trừ khi có thoả thuận rõ ràng khác. Công Ty hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều Lệ Công Ty, Pháp Luật và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3.4 Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

3.5 Công Ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công Ty.

3.6 Tùy thuộc vào việc chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 47 của Điều Lệ này, Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty là vô hạn kể từ Ngày Thành Lập. Công Ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một Nghị quyết của ĐHĐCĐ và/hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

4.1 Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510 (Chính)
2.	Cơ sở lưu trú khác	5590
3.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
4.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
6.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
7.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

STT	Tên ngành	Mã ngành
8.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá - Chi tiết: Đại lý	4610
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
14.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
15.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
18.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
19.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
20.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
21.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
25.	Đại lý du lịch	7911
26.	Điều hành tua du lịch	7912
27.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

4.2 ĐHĐCĐ của Công Ty có thể quyết định thay đổi hoặc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 5. QUYỀN CỦA CÔNG TY

- 5.1 Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- 5.2 Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- 5.3 Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- 5.4 Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- 5.5 Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- 5.6 Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- 5.7 Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- 5.8 Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- 5.9 Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp Luật quy định.
- 5.10 Khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp Luật về khiếu nại, tố cáo.
- 5.11 Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Pháp Luật.
- 5.12 Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

- 6.1 Hoạt động kinh doanh những ngành nghề mà luật không cấm; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của Pháp Luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
- 6.2 Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Pháp Luật về kế toán.
- 6.3 Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật.
- 6.4 Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp Luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của Pháp Luật về bảo hiểm.
- 6.5 Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
- 6.6 Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của Pháp Luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
- 6.7 Tuân thủ quy định của Pháp Luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

6.8 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
LOẠI CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ

- 7.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty là: 28.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng*). Công Ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Vốn Điều Lệ được chia thành:

Tổng số Cổ Phần: 280.000 Cổ Phần

Mệnh giá Cổ Phần: 100.000 VNĐ/Cổ Phần

Loại Cổ Phần: Cổ Phần phổ thông

Vốn Điều Lệ Công Ty có thể được góp bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác (bao gồm và không hạn chế ở các tài sản là bất động sản, các tài sản khác gắn liền với đất, v.v....) có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam theo quy định của Pháp Luật.

- 7.2 HĐQT quyết định thời gian, phương thức và giá bán Cổ Phần. Giá bán Cổ Phần không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá mới nhất được ghi trong sổ sách kế toán, ngoại trừ các trường hợp sau:

- a. Cổ Phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập.
- b. Cổ Phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số Cổ Phần của họ hiện đang nắm giữ trong Công Ty.
- c. Cổ Phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHCĐ.
- d. Trường hợp khác do ĐHCĐ quyết định.

- 7.3 Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ Phần mới nào dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 124 của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty sẽ gửi thông báo bằng văn bản đến các Cổ Đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi nhận tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua Cổ Phần. Thông báo được gửi đến Các Cổ Đông sẽ có nội dung như quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 124 Luật Doanh Nghiệp. Bất kỳ Cổ Phần nào không được đăng ký mua sẽ thuộc quyền kiểm soát bởi HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các Cổ Phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, song không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ Phần được bán qua Thị Trường Giao Dịch Chứng Khoán.

7.4 Công Ty có thể hoặc phải mua lại các Cổ Phần đã phát hành của mình theo yêu cầu của Cổ Đông, theo quyết định của Công Ty hoặc bất kỳ hình thức nào được Luật Doanh Nghiệp cho phép.

7.5 Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ Phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất.

7.6 Vốn Điều Lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công Ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp Luật sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

8.1 Các Cổ Đông là chủ sở hữu của Công Ty, có quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng Cổ Phần và loại Cổ Phần mà họ sở hữu. Quyền và nghĩa vụ của từng Cổ Đông được giới hạn trong phần giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ Phần mà Cổ Đông đó nắm giữ.

8.2 Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ Điều Lệ của Công Ty, các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của ĐHCĐ.
- Thanh toán vốn Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đăng ký mua và phù hợp với các thủ tục yêu cầu; và
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

ĐIỀU 9. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

9.1 Danh sách Cổ Đông Sáng Lập tại thời điểm thành lập Công ty:

TT	Tên Cổ Đông sáng lập	Địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức/Nơi ĐKKHTT đối với cá nhân	Giấy CN ĐKDN đối với tổ chức/CMND đối với cá nhân	Số và loại cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Du lịch Hà Nội	Số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0106000387	98.000	9.800.000.000	35%

[Handwritten signatures and initials]

TT	Tên Cổ Đông sáng lập	Địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức/Nơi ĐKKHKTĐ đối với cá nhân	Giấy CN ĐKDN đối với tổ chức/CMND đối với cá nhân	Số và loại cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ (%)
2	Công ty Du lịch Quảng Ninh	Đường 18A, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	104996	70.000	7.000.000.000	25
3	Công ty Cổ phần Sân Gôn Ngôi Sao Chí Linh	Phường Thái Học, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	0403000015	81.200	8.120.000.000	29
4	Ngân hàng TMCP Nông Thôn – Ninh Bình	Số 339, đường Trần Hưng Đạo, phường Vân Giang, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	055771	30.800	3.080.000.000	11

Trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cổ Đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng Cổ Phần của mình cho Cổ Đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng Cổ Phần phổ thông của mình cho người không phải là Cổ Đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trường hợp này Cổ Đông dự định chuyển nhượng Cổ Phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các Cổ Phần đó.

Các hạn chế đối với Cổ Phần phổ thông của Cổ Đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với Cổ Phần mà Cổ Đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và Cổ Phần mà Cổ Đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là Cổ Đông sáng lập của Công Ty.

- 9.2 Công Ty sẽ lập Sổ Đăng Ký Cổ Đông phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp để theo dõi và cập nhật danh sách Cổ Đông.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

- 10.1 Người sở hữu Cổ Phần Phổ thông được gọi là Cổ Đông phổ thông.

- 10.2 Các Cổ Đông Phổ thông có quyền:

- Tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ Phần Phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
- Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

- c. Ưu tiên mua Cổ Phần mới chào bán của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần của mình trong Công Ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng Cổ Phần của mình cho người khác trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trong trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công Ty theo tỷ lệ vốn góp, sau khi Công Ty đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;
 - h. Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 13 Điều Lệ này; và
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.
- 10.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 10.2 và Khoản 10.4 của Điều này còn có các quyền sau:
- a. Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;
 - c. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp;
 - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Mục d Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp; và
 - e. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 10.4 Cổ Đông phổ thông của Công Ty có các nghĩa vụ sau:
- a. Thanh toán đủ và đúng hạn tiền mua Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
 - b. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
 - c. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị Cổ Phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - d. Tuân thủ Điều Lệ và quy chế quản lý nội bộ Công Ty;
 - e. Chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;

- f. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.
- g. Cổ Đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (i) Vi phạm Pháp Luật.
 - (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

ĐIỀU 11. CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

- 11.1 Mọi Cổ Đông đều có quyền được cấp một Cổ phiếu.
- 11.2 Mọi chứng chỉ Cổ phiếu được phát hành với chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty (nếu có), có nội dung phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại Cổ Phần.
- 11.3 Tùy thuộc vào quy định của Điều Lệ này, bất kỳ người nào có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông đối với bất kỳ Cổ Phần và loại Cổ Phần nào, đều có quyền yêu cầu nhận một Cổ phiếu miễn phí trong vòng hai (02) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) sau khi nhận chuyển nhượng.
- 11.4 Trường hợp có sự chuyển nhượng hoặc thay đổi khác của một số Cổ Phần trong các Cổ Phần được quy định trong một Cổ phiếu, thì cổ phiếu cũ sẽ được hủy bỏ hoặc được sửa đổi.
- 11.5 Nếu chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công Ty chứng chỉ Cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công Ty. Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó. Đối với Cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam (10.000.000 VNĐ), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có thể yêu cầu chủ sở hữu Cổ phiếu phải đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công Ty cấp Cổ phiếu mới.
- 11.6 Người nắm giữ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn Cổ phiếu. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích trái Pháp Luật của Cổ phiếu đó.
- 11.7 Sổ Đăng Ký Cổ Đông được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

- 11.8 Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm làm thủ tục cần thiết để điều chỉnh. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tiến hành sửa đổi thông tin trong sổ tương ứng trên cơ sở thay đổi đó. Chủ tịch HĐQT sẽ ký vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông ngay sau mỗi lần có sự thay đổi. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
- 11.9 Chủ tịch HĐQT và người giữ Sổ Đăng Ký Cổ Đông có trách nhiệm tạo điều kiện cho các Cổ Đông của Công Ty tiếp cận đến Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 12.1 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 12.4 của Điều này, Khoản 3, Điều 119 của Luật Doanh Nghiệp và/hoặc theo quy định rõ ràng của Pháp Luật, Điều Lệ này hoặc thỏa thuận khác giữa Các Cổ Đông, tất cả các Cổ Phần đều được tự do chuyển nhượng.
- 12.2 Đối với Cổ Phần tự do chuyển nhượng, việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi tên của người nhận chuyển nhượng Cổ Phần và các thông tin của Cổ Đông như được quy định tại Khoản 2, Điều 121 của Luật Doanh Nghiệp đã được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.
- 12.3 Tất cả các Cổ Phần niêm yết trên Thị Trường Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Thị Trường Giao Dịch Chứng Khoán, Ủy ban Chứng khoán Việt Nam và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- 12.4 HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ Cổ Phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 12.5 Trong trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó là Cổ Đông của Công Ty.
- 12.6 Trường hợp Cổ Phần của Cổ Đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số Cổ Phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 12.7 Cổ Đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho người khác; sử dụng Cổ Phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng Cổ Phần sẽ là Cổ Đông của Công Ty.
- 12.8 Khi một Cổ Đông là một pháp nhân bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ Phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

- 13.1 Cổ Đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông đó, số lượng Cổ Phần, giá chào bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHCĐ phê duyệt các vấn đề được quy định tại Khoản này.

- 13.2 Công Ty phải mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại Khoản 13.1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
- 13.3 Trường hợp không đạt được thoả thuận về giá mua lại, thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ Đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 14. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số Cổ Phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

- 14.1 HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ Phần do ĐHĐCĐ quyết định;
- 14.2 HĐQT quyết định giá mua lại Cổ Phần. Đối với Cổ Phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 14.3 Điều này. Đối với Cổ Phần loại khác, nếu Điều Lệ Công Ty không quy định hoặc Công Ty và Cổ Đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- 14.3 Công Ty có thể mua lại Cổ Phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần của họ trong Công Ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ Phần của Công Ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty, tổng số Cổ Phần và loại Cổ Phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ Đông chào bán Cổ Phần của họ cho Công Ty.
- 14.4 Cổ Đông đồng ý bán lại Cổ Phần phải gửi chào bán Cổ Phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức; số Cổ Phần sở hữu và số Cổ Phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ Đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông. Công Ty chỉ mua lại Cổ Phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

- 15.1 Công Ty chỉ được quyền thanh toán Cổ Phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều Lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 15.2 Cổ Phần được mua lại theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều Lệ này được coi là Cổ Phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ Phần được Công Ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

15.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.

15.4 Sau khi thanh toán hết số Cổ Phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ Phần mua lại.

ĐIỀU 16. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán Cổ Phần mua lại trái với quy định tại Khoản 15.1 Điều 15 của Điều Lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này thì các Cổ Đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ Đông không hoàn trả được cho Công Ty thì tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ Đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 17. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công Ty bao gồm:

17.1 ĐHĐCĐ;

17.2 HĐQT;

17.3 BKS;

17.4 Tổng Giám đốc;

17.5 Bộ máy giúp việc: (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

CHƯƠNG VII

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 18. QUYỀN HẠN CỦA ĐHĐCĐ

18.1 ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty và, không bị giới hạn và ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều Lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công Ty.

18.2 ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều Lệ này.

18.3 ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Định hướng phát triển của Công Ty;

b. Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo kiểm toán, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;

- c. Đưa ra các quyết định về loại Cổ Phần và số lượng của từng loại Cổ Phần chào bán; đưa ra các quyết định về cổ tức hàng năm của mỗi loại Cổ Phần trên cơ sở báo cáo và đề nghị của HĐQT;
 - d. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và KSV;
 - e. Quyết định chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và KSV;
 - f. Bổ sung, sửa đổi Điều Lệ Công Ty; ;
 - g. Xem xét xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - i. Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% tổng số Cổ Phần đã bán của mỗi loại;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - k. Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- 18.4 Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ Phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ Đông Công Ty không xác định số Cổ Phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số Cổ Phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông.
 - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ Cổ Phần, loại Cổ Phần tương ứng với mỗi đại diện theo ủy quyền.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền.
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
- 18.5 Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.
 - c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty quy định tùy từng thời điểm.

ĐIỀU 19. CUỘC HỌP CỦA ĐHĐCĐ

19.1 ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm tại Việt Nam do HĐQT xác định trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật.

19.2 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công Ty. Có thể là trường hợp mà các kiểm toán viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công Ty và thông báo với HĐQT.
- b. Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý hoặc báo cáo sáu (06) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng số Vốn Điều Lệ của Công Ty đã mất đi một nửa.
- c. Khi số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều Lệ này hoặc ít hơn số lượng theo quy định của Pháp Luật, số KSV ít hơn số lượng quy định bởi Pháp Luật hoặc ít hơn số lượng quy định tại Điều Lệ này.
- d. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Khoản 10.3 Điều 10 Điều Lệ này có nhu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích của buổi họp, được ký bởi các Cổ Đông đó (và đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các Cổ Đông đó); và
- e. Theo yêu cầu của BKS.

19.3 HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát hiện sự việc như quy định tại Điểm b, Khoản 19.2, Điều này hoặc số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại Điểm c, Khoản 19.2, Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, Điểm e, Khoản 19.2, Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Khoản 19.2 Điều này, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

19.4 Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Khoản 19.3, Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

19.5 Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 19.4 Điều này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 10.3, Điều 10, Điều Lệ này có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

19.6 Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ Đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đặc biệt chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 20. QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ

- 20.1 Cổ Đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 20.2, Điều này. Trường hợp Cổ Đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh Nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ.
- 20.2 Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: -
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác phù hợp với quy chế tổ chức ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử phù hợp với quy chế tổ chức ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm.
- 20.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp Cổ Đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo Pháp Luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.
 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp Luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 20.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 20.5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
- 20.5 Quy định tại Khoản 20.4 Điều này không áp dụng nếu Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 20.4 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ.
- 20.6 Trường hợp Cổ Phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ Đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ Phần đã chuyển nhượng, trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác.
- ĐIỀU 21. TRIỆU TẬP HỌP ĐHĐCĐ, CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP**
- 21.1 ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập họp bởi HĐQT trừ khi quy định của Khoản 19.4, Khoản 19.5 Điều 19 Điều Lệ này được áp dụng.

- 21.2 Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:
- Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp; và
 - Thông báo và gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 21.3 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ Đông trong Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của Cổ Đông đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm.
- 21.4 Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết; và (iii) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản 21.3 Điều này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp. Công Ty sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.
- 21.5 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 10.3, Điều 10, Điều Lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty chậm nhất ba (03) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải có tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 21.6 Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các kiến nghị theo Khoản 22.5 của Điều này nếu:
- Kiến nghị không được gửi đến đúng hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

- 21.7 Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số Cổ Đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

ĐIỀU 22. THẺ THỨC, ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ

- 22.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc thành viên HĐQT được các thành viên HĐQT còn lại bầu theo nguyên tắc đa số làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 22.2 Cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- 22.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 22.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;
- 22.4 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 22.3 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ Đông dự họp và số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.
- 22.5 Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định sửa đổi chương trình họp đã được gửi theo thông báo mời họp.
- 22.6 Không cần phải lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể hoãn cuộc họp cho dù có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các Cổ Đông dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

ĐIỀU 23. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

- 23.1 ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

23.2 Không phụ thuộc vào Điều 142 Luật Doanh Nghiệp, thể thức cụ thể tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua (nếu có) hoặc theo toàn quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính hoặc bằng hình thức lấy ý kiến hoặc biểu quyết tại chỗ.

23.3 Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh Nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

- a. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của Công Ty;
- b. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ đông có quyền lấy ý kiến văn bản chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ sẽ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tài liệu. Công ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.
- c. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - (i) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - (ii) Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

- d. Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 - e. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty;
 - f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
 - g. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 23.4 Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi:
- a. Trừ các trường hợp quy định tại đoạn Điểm b, Khoản 24.4 dưới đây, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp tán thành.
 - b. Nghị quyết về các vấn đề sau phải được sự đồng ý của các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp tán thành:
 - (i) Loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty.
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - (v) Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.
- 23.5 ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và trong trường hợp này, Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

ĐIỀU 24. BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

- 24.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- f. Số Cổ Đông và tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số Cổ Phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

- 24.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 24.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 24.4 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Biên bản họp ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có).
- 24.5 Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

ĐIỀU 25. HIỆU LỰC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ VÀ YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

- 25.1 Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
- 25.2 Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 25.3 Trường hợp có Cổ Đông, nhóm Cổ Đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 25.4 Điều này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- 25.4 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 25.2 Điều này;
 - b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.

CHƯƠNG VIII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ

- 26.1 Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp Luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 29 Điều Lệ này, Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật liên quan tại từng thời điểm. Ít nhất một nửa (1/2) số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 26.2 HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 26.3 Trường hợp có thành viên HĐQT được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.
- 26.4 Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c. Có đơn từ chức.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật tùy từng thời điểm.
- 26.5 Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 27. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

- 27.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 27.2 HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra giám sát người đại diện theo pháp luật và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty.
- 27.3 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp Luật, Điều Lệ này, và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty.
 - b. Kiến nghị các loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định giá bán Cổ Phần mới trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty.

- e. Quyết định mua lại Cổ Phần theo quy định tại Khoản 1, Điều 130 của Luật Doanh Nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có tổng giá trị từ 30% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, hợp đồng và giao dịch khác có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - j. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong Công Ty trong công việc kinh doanh hằng ngày.
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
 - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tùy từng thời điểm.
- 27.4 HĐQT phải báo cáo với ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình, đặc biệt về các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ Quản lý trong năm tài chính.
- 27.5 Tùy theo tình hình thực tế và không trái Pháp Luật, HĐQT có thể giao, phân cấp hoặc uỷ quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT nêu tại Điều này.
- 27.6 Các thành viên của HĐQT có thể được hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH HĐQT

- 28.1 HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT.
- 28.2 Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
 - c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.
 - e. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- 28.3 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.
- 28.4 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Thư ký Công Ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5, Điều 152 của Luật Doanh Nghiệp và theo Nghị quyết của HĐQT tùy từng thời điểm.
- 28.5 Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT.

ĐIỀU 29. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- c. Thành viên HĐQT Công Ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

ĐIỀU 30. CUỘC HỌP HĐQT

- 30.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 30.2 HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác.
- 30.3 Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- 30.4 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT.

d. Các trường hợp khác do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

30.5 Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 30.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

30.6 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

30.7 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến KSV như đối với các thành viên HĐQT.

KSV có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

30.8 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

30.9 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 30.10 Điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

30.10 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

30.11 Hợp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- b. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến.
- c. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tiến hành kiểm phiếu với sự giúp việc của Thư ký HĐQT và dưới sự giám sát của ít nhất một (01) thành viên HĐQT;
- d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một Nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

30.12 Các Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

30.13 Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản HĐQT phải lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và bao gồm các nội dung theo Điều 154 của Luật Doanh Nghiệp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NHÂN SỰ QUẢN LÝ

ĐIỀU 31. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Công Ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó tổ chức quản lý sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công Ty sẽ có Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

ĐIỀU 32. TỔNG GIÁM ĐỐC

32.1 HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp Luật về các quyền và nghĩa vụ được giao.

32.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm, trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

32.3 Tổng Giám đốc phải đáp ứng những tiêu chuẩn điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh Nghiệp

32.4 Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không cần phải có Nghị quyết của HĐQT.
- b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công Ty.
- c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công Ty.
- d. Thông qua các hợp đồng giao dịch đầu tư, mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh, ủy thác, nhận ủy thác đầu tư, ứng vốn, nhận ứng vốn đầu tư, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường, các hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính tín dụng và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ hoặc HĐQT.
- e. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- f. Quyết định lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty kể cả những người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- g. Tuyển dụng lao động.
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- i. Được ủy quyền cho cấp dưới hoặc người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó.
- j. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ, ủy quyền hoặc phân cấp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và quy định của Pháp Luật.

32.5 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công Ty tại từng thời điểm. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật, phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty và chịu mọi chế tài xử lý theo quy định của Công Ty và của Pháp Luật.

ĐIỀU 33. LAO ĐỘNG

- 34.1 Người đại diện theo pháp luật có quyền tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công Ty, kể cả đề xuất tuyển dụng đối với những vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT.
- 34.2 Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công Ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền ban hành các quy chế nội bộ của Công Ty theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền, phân cấp của HĐQT để ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty.

CHƯƠNG X
NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

ĐIỀU 34. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

34.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật có liên quan, Điều Lệ này và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
- c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà họ và Người Có Liên Quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công Ty.
- e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

34.2 Công Ty có quyền trả thù lao cho thành viên HĐQT, trả lương cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao của thành viên HĐQT và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty. Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công Ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

34.3 Người quản lý Công Ty bao gồm: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác do HĐQT xác định tùy từng thời điểm.

ĐIỀU 35. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

35.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn can và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

35.2 Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty (hay công ty con của Công Ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty (hay công ty con của Công Ty) với tư cách thành viên HĐQT, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn can và với năng lực chuyên môn theo phương

thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để bảo hiểm những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 36. THÀNH LẬP BKS

- 36.1 ĐHĐCĐ sẽ thành lập BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc khi ĐHĐCĐ thấy cần thiết. BKS có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và KSV có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 36.2 BKS sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp và theo quy định tại Điều Lệ này, chủ yếu bao gồm:

- a. Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 10.3, Điều 10 của Điều Lệ này.
- f. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 10.3, Điều 10 của Điều Lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của BKS quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

- g. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- h. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 34 của Điều Lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty.
 - j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - k. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
 - l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 36.3 KSV phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý Công Ty;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty; và
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quy định của Pháp Luật liên quan và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.
- 36.4 Việc biểu quyết bầu KSV được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.
- 36.5 BKS sẽ bầu một trong số các KSV làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập các buổi họp của BKS và chủ tọa các buổi họp đó; và
 - b. Yêu cầu Công Ty cung cấp các thông tin có liên quan, và gửi tới cho tất cả các thành viên BKS.
- BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.
- 36.6 KSV được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
- 36.7 BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Nếu thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn điều kiện làm KSV theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- KSV bị bãi nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG XII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 37. CỔ TỨC

- 37.1 Cổ tức trả cho Cổ Phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật; trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 37.2 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ Phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ Công Ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Cổ Đông.
- 37.3 Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công Ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Nếu Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ Đông thì Công Ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- 37.4 HĐQT phải lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ Phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ Đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công Ty và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông là tổ chức; số lượng Cổ Phần từng loại của Cổ Đông; mức cổ tức đối với từng Cổ Phần và tổng số cổ tức mà Cổ Đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 37.5 Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng Cổ Phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ Đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.
- 37.6 Việc trích lập các quỹ do ĐHCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 37.7 Nguyên tắc chịu lỗ: Cổ Đông chịu lỗ theo tỷ lệ số Cổ Phần mà Cổ Đông sở hữu.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 38. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

- 38.1 Công Ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp Luật.
- 38.2 Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài.

ĐIỀU 39. NĂM TÀI CHÍNH

- 39.1 Năm tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của Tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kết từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.
- 39.2 Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc lập quỹ theo quy định của Pháp Luật do ĐHCĐ Công Ty quyết định.

ĐIỀU 40. BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

- 40.1 Công Ty sẽ thực hiện Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
- 40.2 Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VNĐ. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HĐQT yêu cầu.
- 40.3 Công Ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
- 40.4 Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi người đại diện theo Pháp Luật và Kế toán trưởng.

ĐIỀU 41. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI

- 41.1 Các Cổ Đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công Ty
- 41.2 Công Ty có thể tăng vốn, phát hành Cổ Phần ra công chúng, và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

ĐIỀU 42. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM

Công Ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp Luật và quy định của Bộ tài chính.

ĐIỀU 43. KIỂM TOÁN

- 43.1 Trong trường hợp theo yêu cầu của Pháp Luật hoặc khi cần thiết, một Công Ty kiểm toán có uy tín sẽ được chọn người đại diện theo pháp luật bổ nhiệm là công ty kiểm toán chính thức của Công Ty để thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty trong năm tài chính dựa trên những điều kiện và điều khoản thoả thuận với Công Ty. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Công Ty chịu.

43.2 Công Ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công Ty kiểm toán sau khi hết năm tài chính;

43.3 Công Ty kiểm toán sẽ kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm, liệt kê các khoản thu nhập và chi phí của Công Ty, và lập báo cáo kiểm toán và trình nộp Công Ty theo thời hạn thỏa thuận.

ĐIỀU 44. CON DẤU CỦA CÔNG TY

44.1 Công ty chỉ sử dụng 01 (một) con dấu.

44.2 Hình thức con dấu: dấu tròn, kích cỡ 3,6 cm, màu mực đỏ.

44.3 Nội dung con dấu thể hiện những thông tin sau đây:

a. Tên doanh nghiệp

b. Mã số doanh nghiệp

c. Loại hình doanh nghiệp

d. Địa chỉ thành phố, tỉnh nơi đặt trụ sở Công ty

44.4 Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

44.5 Con dấu được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

44.6 Người đại diện theo pháp luật Công Ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp Luật hiện hành và các quy định nội bộ của Công ty tại từng thời điểm.

ĐIỀU 45. BÁO CÁO

45.1 Công Ty sẽ trình nộp cho các Cổ Đông các tài liệu thuộc quyền kiểm tra, xem xét của các Cổ Đông theo quy định.

45.2 Công Ty cho phép các Cổ Đông hoặc thành viên của HĐQT thảo luận với các công ty kiểm toán của Công Ty về bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan tới việc kiểm toán của Công Ty.

ĐIỀU 46. BẢO MẬT

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, thì không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Cán bộ Quản lý, Cổ Đông hoặc Người Có Liên Quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

46.1 Công ty con của Công Ty (nếu có); hoặc

46.2 Các Cổ Đông theo như quy định tại Điều Lệ này hoặc được quyết định của ĐHĐCĐ; hoặc

46.3 Cán bộ quản lý và nhân viên của Công Ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc

- 46.4 Các Cổ Đông hoặc giám đốc của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 46.5 Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 46.6 Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan toà án hoặc, cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- 46.7 Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ Đông liên quan.

CHƯƠNG XV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

ĐIỀU 47. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

- 47.1 Phù hợp với quy định của Pháp Luật, Công Ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:
- Kết thúc Thời Hạn Hoạt Động đã ghi trong Điều Lệ mà không có quyết định gia hạn.
 - Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ..
 - Bị thu hồi Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật trong thời gian sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; hoặc
 - Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 47.2 Quyết định giải thể Công Ty trước thời hạn phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu cần thiết. Thủ tục giải thể được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 48. THANH LÝ

- 48.1 Khi có quyết định giải thể Công Ty, ĐHĐCĐ phải thành lập Ban Thanh lý bao gồm các thành viên HĐQT. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các thủ tục để hoạt động. Nhân viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công Ty hoặc người ngoài Công Ty. Mọi chi phí phát sinh từ việc thanh lý sẽ do Công Ty ưu tiên chi trả trước khi thanh toán các nghĩa vụ khác, trừ khi Pháp Luật có quy định khác.
- 48.2 Ban Thanh lý sẽ đại diện Công Ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước toà án và các cơ quan hành chính.
- 48.3 Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp Luật.

CHƯƠNG XVI

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 49. THÔNG BÁO

- 49.1 Bất kỳ thông báo nào theo Điều Lệ này phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
- 49.2 Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
- nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận.
 - nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba ngày sau ngày sau khi gửi (hoặc bảy ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt Nam); hoặc
 - nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
- 49.3 Trường hợp Cổ Đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.
- 49.4 Công Ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ Đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ Đông đó.

ĐIỀU 50. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 50.1 Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:
- Cổ Đông và Công Ty; hoặc
 - Cổ Đông và HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ quản lý; hoặc
 - Cổ Đông và Cổ Đông khác,
- thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải.
- 50.2 Trường hợp không đạt được thoả thuận hoà giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc đề nghị hoà giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án sẽ là cơ sở để các bên thực hiện.
- 50.3 Chi phí sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi phán quyết của Tòa án có quyết định khác.

CHƯƠNG XVII

HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 51. NGÀY HIỆU LỰC

- 51.1 Điều Lệ này gồm 17 chương với 51 Điều, được ĐHCĐ Công Ty thông qua hợp lệ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.

- 51.2 Điều Lệ này được làm thành hai (02) bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Các nội dung không quy định tại Điều Lệ này hoặc thoả thuận riêng của các Cổ Đông được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành.

**CHỮ KÝ CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

me

Nguyễn Chính Phương



Lê Minh Thành

CHỮ KÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Chủ tịch	Lê Minh Thành	<i>[Signature]</i>
Phó chủ tịch	Lý Trung Phòng	<i>[Signature]</i>
Thành viên	Nguyễn Minh Chung	<i>[Signature]</i>
Thành viên	Nguyễn Chính Phương	<i>me</i>
Thành viên	Đoàn Văn Biên	<i>[Signature]</i>
Thành viên	Tạ Thu Thủy	<i>[Signature]</i>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 22 tháng 05 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI – HẠ LONG

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần du lịch Hà Nội – Hạ Long ngày 18/11/2016;
- Căn cứ Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 1: Sửa đổi một phần Khoản 7.1 Điều 7 Điều lệ Công ty Cổ phần du lịch Hà Nội – Hạ Long như sau:

“7.1. Vốn Điều Lệ của Công ty là: 79.120.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Vốn Điều Lệ được chia thành:

Tổng số Cổ Phần: 791.200 Cổ Phần.”

Điều 2: Những nội dung khác của Điều lệ không sửa đổi, bổ sung vẫn tiếp tục được thi hành. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Điều lệ Công ty Cổ phần du lịch Hà Nội – Hạ Long được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/11/2016./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 03 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 02

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI – HẠ LONG

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần du lịch Hà Nội – Hạ Long ngày 18/11/2016;
- Căn cứ Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 1: Sửa đổi một phần Khoản 7.1 Điều 7 Điều lệ Công ty Cổ phần du lịch Hà Nội – Hạ Long như sau:

“7.1. Vốn Điều Lệ của Công ty là: 100.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng). Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Vốn Điều Lệ được chia thành:

Tổng số Cổ Phần: 1.000.000 Cổ Phần.”

Điều 2: Những nội dung khác của Điều lệ không sửa đổi, bổ sung vẫn tiếp tục được thi hành. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Điều lệ Công ty Cổ phần du lịch Hà Nội – Hạ Long được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/11/2016/.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÀNH VIÊN HĐQT

